

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HS-ST

Ngày: 27- 01-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tám – Cán bộ hưu trí;

2. Bà Đặng Thị Tiềm – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Trần Quốc V - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2021/TLST- HS ngày 20 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2021/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 12 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn P (Tên gọi khác: P Heo); sinh năm 1983;

Nơi sinh: tỉnh Tiền Giang; Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang; CMND số 312107160; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: lớp 4/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn A (chết) và bà: Nguyễn Thị Ô; Vợ: Nguyễn Thị Xuân D; bị cáo có 01 con sinh năm 2021.

- Tiền sự: không;

- Tiền án: ngày 25 tháng 12 năm 2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho tỉnh Tiền Giang xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2019, chưa xóa án tích.

- Đặc điểm nhân thân:

+ Năm 2002, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/3/2005;

+ Năm 2008, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/5/2008.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/5/2021 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn Đ; sinh năm 1992;

Nơi sinh: tỉnh Tiền Giang; Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang; CMND số 312128902; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: lớp 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn Đ1 và bà: Phạm Thị B; Vợ: Nguyễn Trọng Nguyễn Hiền T; bị cáo có con 01 sinh năm 2015.

Tiền sự: không;

Tiền án: ngày 03/01/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/7/2019, chưa xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 07/5/2021, chuyển tạm giam ngày 16/5/2021 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại:

- Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1979. Vắng mặt;

Địa chỉ: ấp Hòa, xã Dưỡng Diêm, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1983. Vắng mặt;

Địa chỉ: ấp Quý Thạnh, xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Hà Duy K, sinh năm 2002. Có mặt;

Địa chỉ: ấp Hòa, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Lê Văn V, sinh năm 1989. Có mặt;

Địa chỉ: ấp Hòa, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đồng Nguyên A, sinh năm 1986; Có mặt;

Địa chỉ: ấp Hòa, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Trần Thanh P1 (Heo Mọi), sinh năm 1989. Vắng mặt;

Địa chỉ: ấp Trung A, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Nguyễn Thị Xuân D, sinh năm 1986. Có mặt.

Địa chỉ: ấp Tây, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng cuối tháng 12 năm 2020, khi thấy khu vực tuyến Quốc lộ 1A thuộc xã Nhị Quý và xã Tân Hội có nhiều quán giải khát đang buôn bán nên Nguyễn Văn Đ đến gặp và nói với Nguyễn Văn P về việc đến các quán này “xin tiền” hàng tháng để tiêu xài, P đồng ý. P là người trực tiếp đến gặp chị Nguyễn Thị Lệ T và chị Nguyễn Thị Ngọc N là chủ quán giải khát để ra giá xin tiền còn Đ là người trực tiếp đi T tiền. Lúc đầu thì chị T và chị N không đồng ý đưa tiền nên Đ gọi điện thoại đe dọa đến đập phá tài sản không cho buôn bán. Do lo sợ ảnh hưởng đến việc kinh doanh nên buộc chị T phải đưa số tiền 1.000.000 đồng/tháng/quán, do có kinh doanh 04 quán giải khát nên mỗi tháng chị T buộc phải đưa cho P và Đ số tiền là 4.000.000 đồng/tháng; chị Nguyễn Thị Ngọc N có kinh doanh 01 quán giải khát nên buộc phải đưa cho P và Đ số tiền là 1.000.000 đồng/tháng. Đ trực tiếp đến lấy tiền vào những ngày đầu tháng, cụ thể:

- Lần thứ nhất: vào đầu tháng 02/2021, Đ trực tiếp đến lấy tiền của chị T 4.000.000 đồng và lấy tiền của chị N là 1.000.000 đồng, tổng số tiền lấy được là 5.000.000 đồng rồi đem về đưa lại hết cho P và được P chia lại 1.000.000 đồng, số còn lại do P giữ.

- Lần thứ hai: vào đầu tháng 3/2021, Đ trực tiếp đến lấy tiền của chị T 4.000.000 đồng và lấy tiền của chị N là 1.000.000 đồng, tổng số tiền lấy được là 5.000.000 đồng rồi đem về đưa lại hết cho P và được P chia lại 1.000.000 đồng, số còn lại do P giữ.

- Lần thứ ba: vào đầu tháng 4/2021, Đ đến đập phá phá tài sản, sau đó chị T gọi điện cho P năn nỉ đưa 3.000.000 đồng; Đ trực tiếp đến lấy tiền của chị T 3.000.000 đồng và lấy tiền của chị N là 1.000.000 đồng, tổng số tiền lấy được là 4.000.000 đồng rồi đem về đưa lại hết cho P và được P chia lại 800.000 đồng, số còn lại do P giữ.

Vào ngày 07/5/2021, P đang ở tại quán cà phê Khánh Linh và gọi điện thoại cho chị T dùng lời lẽ thô tục, hăm dọa vì chậm đưa tiền tháng 5/2021. Lo sợ bị đập phá tài sản nên chị T kêu P lên lấy tiền, P kêu Đ đi lấy, Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76V6-9593 chở theo Hà Duy K đến quán giải khát của chị T tại ấp Quý Thành, xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy để T số tiền 4.000.000 đồng thì bị bắt quả tang.

Vật chứng T giữ tại hiện trường gồm: tiền Việt nam 4.000.000 đồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave 110 màu đỏ, đen biển kiểm soát 76V6-9593.

T giữ tại nhà của Nguyễn Văn P các tài sản gồm:

- 01 khẩu súng màu đen dạng súng ngắn trên thân có ghi chữ “CZ83 CAL765 BROWNINIG”; kết luận giám định là bột lửa có hình dạng súng ngắn là đồ chơi nguy hiểm, không phải là vũ khí quân dụng;

- 01 bình xịt hơi cay màu xanh có chữ NATO nắp đen; kết luận giám định không phải là vũ khí quân dụng;

- 05 cục tinh thể màu trắng mềm; kết luận giám định xác định không có chất ma túy;

- 01 cây súng bắn còn có quA băng keo màu đen; 01 cây kèm thủy lực; 01 quyển tập học sinh có 03 trang đã viết chữ; 01 laptop Acer; 01 thẻ ATM của Ngân hàng

Agribank tên Lê Văn V; 21 giấy biên nhận nợ; 01 cân tiểu ly điện tử, 02 thanh kim loại tròn dài 01 mét; 02 thanh kim loại tròn dài 104 cm; 01 thanh kim loại dài 67 cm; 01 thanh kim loại tròn dài 145 cm; 06 viên tròn bằng nhựa có 02 màu và có 02 dây ở giữa; 01 dao tự chế dài 85 cm, cán gỗ dài 59 cm;

- 05 xem mô tô các loại có biển số: 63X3-7560, 63V9-2914, 63X8-1866, 63V5-6327, 63R1-7787.

- 01 xe mô tô không biển số có số máy VZS 152FMF452304 (loại xe tự lắp ráp).

Tại Cáo trạng số 25/CT-VKSTG-P2 ngày 18/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đề xét xử các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn Đ về tội: “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự .

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Cai Lậy rút 01 phần quyết định truy tố và xác định từ tháng 02/2020 đến tháng 4/2020 Nguyễn Văn P đã cùng với Nguyễn Văn Đ đe dọa buộc chị Nguyễn Thị Lệ T và Nguyễn Thị Ngọc N phải đưa tiền hàng tháng để được yên ổn buôn bán, các bị cáo đã chiếm đoạt 03 lần của chị T số tiền là 11.000.000 đồng, chiếm đoạt của chị N 03 lần số tiền 3.000.000 đồng, đến ngày 07/5/2020, Nguyễn Văn Đ đến nhận của chị T số tiền 4.000.000 đồng thì bị bắt quả tang cùng tang vật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 170, Điều 38, khoản 2 Điều 5, điểm h, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn Đ phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo P từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng và bị cáo Đ từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; tịch T nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô không biển kiểm soát có số máy VZS 152FMF452304 và 01 xe mô tô biển kiểm soát 76V6-9593 và tịch T tiêu hủy các tài sản còn lại do không có giá trị.

- Bị cáo Nguyễn Văn P khai nhận: sau khi nghe bị cáo Nguyễn văn Đ gợi ý và xin được T tiền các quán giải khát thì bị cáo đồng ý, bị cáo Đ là người trực tiếp T tiền rồi đem về đưa cho bị cáo, bị cáo nhận tổng cộng 03 lần với số tiền Đ đưa là 11.200.000 đồng; bị cáo đưa cho Hà Duy K 2.800.000 đồng, đưa cho Lê Văn V 2.800.000 đồng và Đồng Nguyên A số tiền 2.800.000 đồng, trả lại cho chị N 3.000.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ khai nhận: bị cáo là người gợi ý với bị cáo Nguyễn Văn P việc T tiền các quán giải khát, sau khi được P đồng ý thì bị cáo là người trực tiếp T tiền của chị T 02 lần với mỗi lần 4.000.000 đồng, 01 lần với số tiền 3.000.000 đồng, lần sau cùng nhận 4.000.000 đồng thì bị bắt quả tang; T tiền của chị N 03 lần với tổng số tiền 3.000.000 đồng. Đ đưa cho P tổng số tiền là 11.200.000 đồng, sử dụng tiêu xài cá nhân là 2.800.000 đồng. Bị cáo tự nguyện giao nộp lại số tiền 2.800.000 đồng do phạm tội mà có; bị cáo không ý kiến tranh luận; bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người bị hại:

Chi Nguyễn Thị Lệ T và Nguyễn Thị Ngọc N vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Đồng Nguyên A trình bày: anh không có tham gia T tiền bảo kê tại các quán nước cùng với bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn Đ, cũng không nhận số tiền nào do Nguyễn Văn P đưa, các tài sản T giữ tại nơi bị cáo P đang ở là của ai thì anh không rõ do nhà đã cho vợ chồng bị cáo P Tê, anh ít về nhà nên không biết của ai.

+ Anh Hà Duy K trình bày: anh không có tham gia T tiền bảo kê tại các quán nước cùng với bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn Đ, anh có nhận nhiều lần với tổng số tiền 2.800.000 đồng do Nguyễn Văn P đưa nhưng không biết là tiền gì; anh tự nguyện giao nộp lại số tiền đã nhận vì biết là tiền do P phạm tội mà có.

+ Anh Lê Văn V trình bày: anh không có tham gia T tiền bảo kê tại các quán nước cùng với bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn Đ, anh có nhận nhiều lần với tổng số tiền 2.800.000 đồng do Nguyễn Văn P đưa nhưng không biết là tiền gì; anh tự nguyện giao nộp lại số tiền đã nhận vì biết là tiền do P phạm tội mà có.

+ Chị Nguyễn Thị Xuân D trình bày: chị không có tham gia T tiền bảo kê tại các quán nước cùng với bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn Đ, cũng không nhận số tiền nào do Nguyễn Văn P đưa. Tài sản T giữ của chị thì chị đã nhận lại đủ, riêng các tài sản khác chị không biết của ai vì chị và bị cáo P ở tạm nhà của Đồng Nguyên A.

+ Anh Trần Thanh P1 vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định tội danh:

Lời khai nhận tại phiên tòa của các bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn Đ tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định:

Các bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn Đ là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; để có tiền tiêu xài, các bị cáo đã có hành vi đe dọa buộc chị Nguyễn Thị Lệ T và Nguyễn Thị Ngọc N là chủ các quán giải khát trên Quốc lộ 1A phải đưa tiền hàng tháng mỗi quán là 1.000.000 đồng để được yên ổn buôn bán và các bị cáo đã nhận của chị T tổng số tiền 11.000.000 đồng, nhận của chị N tổng số tiền 3.000.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của công dân gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa P, làm cho người dân đang kinh doanh trên tuyến Quốc lộ 1A hoang man, lo sợ.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ quy kết các bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn Đ đã phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Lê Văn V và Hà Duy K mỗi người có nhận tiền của P số tiền 2.800.000 đồng nhưng tại phiên tòa V, K xác định không biết tiền do đâu mà có, bị cáo P khai tại phiên tòa xác định khi đưa tiền không nói cho K và V biết là tiền gì cho nên hành vi của Hà Duy K và Lê Văn V không có dấu hiệu của tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Hà Duy K có đi cùng xe với Đ trực tiếp đến quán chị T để T tiền và bị bắt quả tang nhưng tại phiên tòa K khai hoàn toàn không biết P và Đ cưỡng đoạt tiền của chị T, cũng không được chia tiền nên không có dấu hiệu đồng phạm.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy để xét xử các bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn Đ về tội cưỡng đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã rút lại một phần quyết định truy tố về số lần và số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt của người bị hại là phù hợp diễn biến tại phiên tòa và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[3] Đây là vụ án đồng phạm gián đơn do các bị cáo không có cấu kết chặt chẽ hay phân công vai trò cụ thể nhưng cũng cần xác định tính chất, mức độ nguy hiểm của từng hành vi và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để áp dụng hình phạt tương xứng:

- Bị cáo Nguyễn Văn P với vai trò chủ mưu và là người chủ động gọi điện thoại cho chị T, chị N để T tiền. Bị cáo P giữ vai trò chính vì chỉ khi có sự đồng ý của bị cáo thì Nguyễn Văn Đ mới thực hiện việc T tiền của các quán giải khát nên bị cáo P phải chịu trách nhiệm hình sự với hình phạt chính cao hơn bị cáo Đ.

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ là người gợi ý, thúc đẩy và trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với mức hình phạt tương xứng.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo quanh co, không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên không được xem xét tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, bị cáo Đ có cha ruột tham gia Cách mạng là dân công hỏa tuyến, ông nội là liệt sĩ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo nhiều lần chiếm đoạt tiền của những người bị hại nên Tộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn P có 01 lần tiền án chưa được xóa án tích, bị cáo Nguyễn Văn Đ có 01 tiền án nên lần phạm tội này của các bị cáo Tộc tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Qua xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như xem xét nhân thân của từng bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly các bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn Đ ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để các bị cáo cải tạo bản thân thành công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật qua đó nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Vật chứng T giữ trong vụ án:

* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã trao trả cho bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền 4.000.000 đồng và trả lại cho chủ sở hữu các tài sản đã T giữ tại nhà của Nguyễn Văn P là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cụ thể:

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Xuân D 03 xe mô tô các loại mang biển kiểm soát 63X3-7560, 63V9-2914, 63X8-1866; 01 quyển tập học sinh có 03 trang đã viết chữ; 01 laptop Acer; 21 giấy biên nhận nợ; 01 cân tiểu ly điện tử.

- Trả lại cho Lê Văn V: 01 xe mô tô mang biển kiểm soát 63V5-6327 và 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank tên Lê Văn V;

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng V: 01 xe mô tô mang biển kiểm soát 63R1-7787.

* 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave 110 màu đỏ, đen biển kiểm soát 76V6-9593 được xác định chủ sở hữu do anh Võ Đức Thọ đứng tên cho em ruột là Võ Đức Tòa quản lý đến năm 2015 thì bán cho 01 người không rõ họ tên và địa chỉ. Tại phiên tòa bị cáo Đ xác định xe này là của chị Nguyễn Thị Xuân D đã tặng cho bị cáo; chị D thừa nhận tại phiên tòa là đã tặng cho bị cáo Đ.

Thấy rằng xe mô tô biển kiểm soát 76V6-9593 đã được Đ sử dụng làm P tiện đi lấy tiền bảo kê nên cần tịch T, nộp ngân sách nhà nước là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

* 01 xe mô tô không biển số có số máy VZS 152FMF452304 T giữ tại nhà của bị cáo P được xác định là của Hà Duy K, thấy rằng đây là vật cấm lưu hành nên cần tịch T, nộp ngân sách nhà nước là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

* Các vật chứng còn lại T giữ tại nhà của bị cáo Nguyễn Văn P tuy không liên quan tội phạm nhưng được xác định là đồ chơi nguy hiểm, hung khí nguy hiểm và không có giá trị nên cần tịch T, tiêu hủy là phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Trách nhiệm dân sự:

Người bị hại bà Nguyễn Thị Lệ T và bà Nguyễn Thị Ngọc N vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra có đơn bãi nại trách nhiệm dân sự không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền bị chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt, những người bị hại không yêu cầu hoàn trả lại nên xác định đây là tiền do phạm tội mà có cần buộc các bị cáo và những người có liên quan đã nhận tiền phải có nghĩa vụ giao nộp lại để tịch T sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Văn P nhận số tiền do Đ đưa tổng cộng là 11.200.000 đồng, chị N thừa nhận có nhận số tiền 2.000.000 đồng do bị cáo trả lại, Hà Duy K và Lê Văn V thừa nhận mỗi người nhận của bị cáo là 2.800.000 đồng, số tiền còn lại 3.600.000 đồng bị cáo không chứng minh được đã đưa cho anh Đồng Nguyên A và chị N nên cần buộc bị cáo phải giao nộp lại để tịch T sung vào ngân sách nhà nước.

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ sử dụng số tiền 2.800.000 đồng nên phải có nghĩa vụ giao nộp lại để tịch T sung vào ngân sách nhà nước;

- Anh Lê Văn V (Giới) đã nhận và sử dụng số tiền 2.800.000 đồng nên phải có nghĩa vụ giao nộp lại để tịch T sung vào ngân sách nhà nước;

- Anh Hà Duy K đã nhận và sử dụng số tiền 2.800.000 đồng nên phải có nghĩa vụ giao nộp lại để tịch T sung vào ngân sách nhà nước;

[8] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy đã phân tích chứng cứ xác định các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn Đ phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt áp dụng với từng bị cáo và các vấn đề khác là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 170, Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 47, khoản 2 Điều 51, điểm h, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn Đ phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 03(ba) năm 06(sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/5/2021.

Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ giao nộp lại số tiền T lợi bất chính 3.600.000 đồng để tịch T sung vào ngân sách nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 03(ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/5/2021.

Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ giao nộp lại số tiền T lợi bất chính 2.800.000 đồng để tịch T sung vào ngân sách nhà nước.

2/- Vật chứng:

- Tịch T, nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô không biển số có số máy VZS 152FMF452304 không có dàn áo và 01 xe mô tô biển kiểm soát 76V6-9593.

- Tịch T, tiêu hủy:

+ 01 khẩu súng màu đen dạng súng ngắn trên thân có ghi chữ CZ83 CAL765 BROWNINIG; 01 bình xịt hơi cay màu xanh có chữ NATO nắp đen; 01 cây súng bắn còn có quA băng keo màu đen; 02 thanh kim loại tròn dài 01 mét; 02 thanh kim loại tròn dài 104 cm; 01 thanh kim loại dài 67 cm; 01 thanh kim loại tròn dài 145 cm; 06 viên tròn bằng nhựa có 02 màu và có 02 dây ở giữa; 01 dao tự chế dài 85 cm, cán gỗ dài 59 cm;

+ 01 bì thư niêm P1 ký hiệu vụ số 210 ghi ngày 24 tháng 9 năm 2021, có chữ ký ghi họ tên bên giao: Huỳnh Thị D Hương (Giám định viên), Nguyễn Quốc P1 (Trợ lý giám định); chữ ký ghi họ, tên bên nhận: Nguyễn Văn Quang và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “PHÒNG KỸ TẬT HÌNH SỰ-CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG”.

3/- Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4/- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có tên sau đây giao phải nộp lại số tiền như sau để tịch T sung vào ngân sách nhà nước:

- Anh Hà Duy K phải giao nộp số tiền 2.800.000 đồng;

- Anh Lê Văn V phải giao nộp số tiền 2.800.000 đồng.

5/- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6/- Quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vA đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vA đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy;
- Sở tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Ánh Tuyết

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 15 phút ngày 14 tháng 9 năm 2020

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tám;

2. Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2020/TLST- HS ngày 01 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo: **TRẦN THỊ ĐÔNG**; Sinh năm 1977; Tên gọi khác: Út. Nơi sinh: tỉnh Trà Vinh; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 190, khóm Tân Quới Hưng, Phường Trường An, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VA ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1/- Căn cứ vào các điều luật:

Điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, và khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về

mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết 3/3

2/- Tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Đông phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Biểu quyết 3/3.

3/- Hình phạt áp dụng:

Xử phạt bị cáo Trần Thị Đông 03 (ba) năm tù.

Tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành 05 tháng 05 ngày của Bản án hình sự phúc thẩm số 82/2019-HSPT ngày 19/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, buộc bị cáo Trần Thị Đông phải chấp hành hình phạt chung là 03 năm 05 tháng 05 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/5/2020.

Biểu quyết 3/3.

4/- Án phí: bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Biểu quyết 3/3.

5/- Quyền kháng cáo:

Bị cáo Đông có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Anh Phước có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 40 phút, ngày 14 tháng 9 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

Thành viên hội đồng xét xử

Chủ tọa phiên tòa